

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TP. B

TỈNH Đ

Bản án số: **134/2023/DSST**

Ngày 26 -7-2023

“V/v: T/c hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. B, TỈNH Đ

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

- **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Cảnh.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Bạ.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Từ ngày 26 đến ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. B, tỉnh Đ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2023/ DSST, ngày 21 tháng 4 năm 2023, về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị L– Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã C, Tp. B Thuật, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc A – Có mặt

Địa chỉ: Số 53 đường số 3, tổ 7, khối 9, P. Trường Thọ, Tp. T, Tp. H.

- **Bị đơn:** Bà **Hồ Thị P**- Có mặt

Địa chỉ: thôn 1, xã C, Tp. B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn:** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ngày 03 tháng 04 năm 2019, Bà Trần Thị L có cho bà Hồ Thị P vay số tiền là: 332.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi hai triệu đồng) với mức lãi suất thoả thuận miệng là 2% (Hai phần trăm) mỗi tháng. Thời hạn vay là từ ngày 03/04/2019 đến cuối năm 2019 âm lịch, tức là khoảng ngày 24/01/2020 dương lịch bà P phải trả nợ. Tuy nhiên từ đó cho đến nay mặc dù bà L đòi nhiều lần nhưng bà P không chịu trả, kể cả tiền gốc và lãi.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ bà P chỉ mới trả được 4.000.000 đồng tiền lãi, còn lại chưa trả. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của mình. Nay Bà Trần Thị L khởi kiện và đề nghị Quý tòa án xem xét và giải quyết như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ, bà L chỉ yêu cầu một mình bà Hồ Thị P phải trả cho bà L số tiền gốc là: 332.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi, nếu bà Hồ Thị P đồng ý hòa giải và trả nợ ngay thì tiền lãi bà L chỉ tính 1%/tháng kể từ ngày vay cho đến nay. Trường hợp không đồng ý thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tiền lãi theo quy định của pháp luật.

* **Bị đơn:** Tại bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Hồ Thị P trình bày:

Do mối quan hệ quen biết và có quan hệ làm ăn với nhau nên vào năm 2019, bà P (không nhớ cụ thể ngày tháng) có vay của Bà Trần Thị L nhiều lần tiền, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào năm 2019, bà P vay của Bà Trần Thị L số tiền 200.000.000đồng, về khoản tiền này à Phó đã trả gốc và lãi.

- *Lần Thứ 2:* Bà P vay của bà L số tiền 100.000.000đồng;

- *Lần thứ 3:* Vay 50.000.000đồng. Tổng cộng là 150.000.000đồng tiền gốc, về khoản tiền này bà P xác định chưa trả, sau đó hai bên tính toán tiền gốc và lãi thành 186.000.000đồng;

- *Lần thứ 4:* Bà P tiếp tục vay của bà L số tiền là 9.500.000đồng, và lần cuối cùng vay thêm của bà L số tiền 50.000.000đồng.

Sau đó bà P bị bệnh, phải đi điều trị dài hạn nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, nên không trả được nợ. Vì vậy hai bên có chốt lại tổng cộng tiền gốc và lãi thành 245.500.000đồng; Trong đó, tiền gốc là 209.500.000đồng và 36.000.000đồng tiền lãi.

Đến ngày 03/4/2019, hai bên gặp nhau và đã chốt số nợ với số tiền là 332.000.000đồng. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả số tiền gốc là 332.000.000 đồng và nợ lãi là 268.400.000đồng tiền lãi bà P không đồng ý, vì thực tế bà L chỉ cho bà P vay số tiền 209.500.000đồng gốc và tiền lãi là 36.000.000đồng. Tuy nhiên vì bà P đã ký vào giấy vay nên bà P chấp nhận trả số tiền gốc là 332.000.000đồng.

Đối với khoản tiền lãi, quá trình giải quyết bà L yêu cầu trả lãi 2%/tháng bà P không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tổ tụng dân sự của Thẩm phán; Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:* Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Đối với đương sự:*

+ Nguyên đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 7, Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn: Thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Hồ Thị P phải trả cho Bà Trần Thị L số tiền nợ gốc là 332.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn Bà Trần Thị L và bị đơn bà Hồ Thị P có ký hợp đồng vay tiền với nhau là xuất phát từ sự tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật, do không trả nợ đúng hạn nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Do có mối quan hệ làm ăn và quen biết nhau, nên ngày 03 tháng 04 năm 2019, Bà Trần Thị L có cho bà Hồ Thị P vay số tiền là: 332.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Thời hạn trả nợ là vào cuối năm 2019 (âm lịch), tức là vào ngày 24/01/2020 (dương lịch). Tuy nhiên từ đó cho đến nay mặc dù bà L đòi nhiều lần nhưng bà P chỉ trả được 4.000.000 đồng tiền lãi, còn lại không chịu trả nợ, kể cả tiền gốc và lãi. Tại phiên tòa nguyên đơn bà L yêu cầu bà P phải trả dứt điểm số nợ gốc là 332.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn, bà P cũng thừa nhận có vay của bà L nhiều lần tiền, nhau sau đó vì lý do bệnh tật, khó khăn nên bà P không trả được nợ như thỏa thuận. Vì vậy đến ngày 03/04/2019, bà L và bà P có ngồi lại và chốt số nợ là 332.000.000 đồng. Nay bà P xác định còn nợ bà L số tiền là 332.000.000 đồng. Tuy nhiên bà P không đồng ý trả lãi 2%/ tháng như yêu cầu của nguyên đơn tại phiên hòa giải.

Hội đồng xét xử xét thấy; Việc vay nợ giữa bà L với và bà P là có thật, xuất phát từ sự tự nguyện giữa hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật về cả nội dung và hình thức. Như vậy đây là giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự, thông qua hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự. Đến kỳ hạn trả nợ bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, được quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự. Vì vậy cần buộc bà P có nghĩa vụ phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 332.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại chứng cứ là giấy vay tiền ngày 03/4/2019 thể hiện; hai bên chỉ xác nhận nội dung vay tiền với nhau với số tiền là 332.000.000 đồng và thời hạn trả nợ là vào cuối năm 2019 âm lịch (tức ngày 24/01/2020 dương lịch). Như vậy giữa hai bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi trong hợp đồng; phía nguyên đơn thì cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/ tháng, còn bị đơn bà P thì không thừa nhận mức lãi suất này, nhưng thừa nhận vay có trả lãi. Như vậy giữa hai bên có tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất cho nguyên đơn là có căn cứ, cụ thể;

Tính từ ngày vay 03/4/2019 đến ngày xét xử, ngày 26/7/2023 là: 04 năm 03 tháng 23 ngày:

332.000.000 đồng x 10%/năm (*tương đương 0,83%/tháng*) x 04 năm, 03 tháng và 23 ngày = 134.381.500 đồng (*làm tròn*). Trừ đi số tiền lãi bà P đã trả 4.000.000 đồng.

134.381.500 đồng – 4.000.000 đ = 130.381.500đ.

Như vậy cần buộc bà P phải trả cho bà L số tiền lãi là 130.381.500đ. Tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi bà P phải trả cho bà L là: 462.381.500đ (*Bốn trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi một ngàn năm trăm đồng*) là có căn cứ.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí DSST:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Bị đơn bà Hồ Thị P phải chịu 22.495.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

Tổng số tiền bà Hồ Thị P phải chịu án phí là 462.381.500 đồng.

20.000.000 đồng (+4% *phần vượt quá 400.000.000 đồng*) = 22.495.000 đồng (*làm tròn*)

*** Về các lễ trên;**

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

Buộc bà Hồ Thị P phải trả cho Bà Trần Thị L số tiền là 462.381.500đ (*Bốn trăm sáu mươi hai triệu ba trăm tám mươi một ngàn năm trăm đồng*); trong đó nợ gốc là 332.000.000 đồng và nợ lãi là 130.381.500 đồng.

“ kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”

*** Về án phí DSST:**

Trả lại cho nguyên đơn Bà Trần Thị L khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Võ Bảo Toàn nộp thay) là 14.008.000đ, theo biên lai thu số AA/2022/0001749, ngày 13/4/2023. Tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn bà Hồ Thị P phải chịu 22.495.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP. B
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh

